

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2021/HS-ST

Ngày: 24/11/2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG – TỈNH LÂM ĐỒNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Luân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đức Lam.

2. Ông Lê Văn Hiến.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Phúc – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 67/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2021. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2021/QĐXXST-HS ngày 11/11/2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hải M; sinh năm 1998, tại Cần Thơ; nơi đăng ký thường trú: Thôn S, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở: Thôn S, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: T2ên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn T, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1973, cùng trú tại: Thôn S, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Chung sống như vợ chồng với: Trần Thị Ánh T, sinh năm 1999; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam ngày 04/05/2021, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

2. Phan Văn T; sinh năm 1998, tại Nghệ An; Nơi đăng ký thường trú: Xóm 8, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An; chỗ ở: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn T, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972, hiện trú tại: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Chung sống như vợ chồng với: Phạm Thị Thanh Tâm, sinh năm 2000; có 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 14/7/2021, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Anh T22; sinh năm 1997, tại Lâm Đồng; Nơi đăng ký thường trú: số 20, đường LQ, Tổ dân phố ML, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở: số 20, đường LQ, Tổ dân phố ML, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm 1968 và bà Trần Thị B, sinh năm 1972, hiện trú tại: Tổ dân phố ML, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; có vợ là: Vũ Thị Thanh U (đã ly hôn); có 01 con, sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 01/QĐ-XPHC ngày 24/11/2016 của Công an thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt Nguyễn Anh T2 2.500.000đ về hành vi “Xâm hại sức khỏe của người khác”. Bị cáo đã chấp hành xong quyết định xử phạt từ ngày 28/11/2016.

Bị bắt tạm giam từ ngày 04/05/2021 đến ngày 24/5/2021 được thay đổi bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn N 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Thị Ngọc M2, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1. Ông Đào Quốc T3, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn N 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

2. Ông Vũ Thạch Bảo K, sinh năm 2002; địa chỉ: số 154, Xóm 3, thôn N 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

4. Ông Lê Đức H, sinh năm 1997; địa chỉ: Xóm 4, thôn N 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

5. Ông Tạ Minh H, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn R 1, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

4. Bà Trần Thị Ánh T4, sinh năm 1999; địa chỉ: Tổ dân phố Thanh Nghĩa, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

5. Ông Cao Hoài Bảo, sinh năm 1995; địa chỉ: Xóm 3, thôn N 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 25/12/2021 các bị cáo Nguyễn Hải M, Nguyễn Anh T2, Phan Văn T cùng một số người bạn đi uống rượu tại xã Đ, huyện

Đ, tỉnh Lâm Đồng. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì các bị cáo rủ nhau cùng đến quán Rin tại thị trấn T, huyện Đ để hát karaoke. Khi chuẩn bị đi hát karaoke thì các bị cáo nhìn thấy anh Lê Đức H, sinh năm: 1997, trú tại: thôn N 1, xã Đ, huyện Đ là bạn quen biết nên rủ H đi cùng. H đồng ý và sử dụng xe mô tô mang biển kiểm soát: 49F1-404.73 chở các bị cáo đến quán karaoke Rin. Khi đến quán bị cáo T2 là người liên hệ thuê phòng karaoke thì được nhân viên của quán hướng dẫn tất cả đi lên lầu 2. Lúc này Nguyễn Hải M đi thẳng đến phòng số 05, nhìn qua cửa kính phòng karaoke thì thấy Trần Thị Ánh T4 (chung sống như vợ chồng với Mạc chưa đăng ký kết hôn) đang hát karaoke cùng với anh Huỳnh Văn S, sinh năm 1995; trú tại: Thôn N 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Do bức xúc vì Tuyết ngồi hát chung với S nên Mạc đi vào phòng dùng tay đánh nhiều cái vào vùng mặt và đầu của S, T2 và T cũng xông vào dùng tay đánh S. Sau khi được anh Đào Quốc T3 là bạn của S can ngăn thì T tiếp tục đi đến dùng áo khoác (bên trong bên có 01 cục sạc pin dự phòng có kích thước 16x10x01 cm) đánh sinh nhiều cái vào đầu của anh S và Đào Quốc T3 tiếp tục can ngăn. Khi S bất tỉnh nằm xuống ghế thì nhóm của Mạc cũng ra về, còn S được đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện Đ sau đó chuyển tuyến điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng. Sự việc được anh Đào Quốc T3 trình báo với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ để xử lý theo quy định.

Tại Bản kết luận giám định số 41/2021-TgT ngày 12/3/2021 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Lâm Đồng ghi nhận thương tích của anh Huỳnh Văn S: Tụ máu ngoài màng cứng thái dương đỉnh trái, vỡ lún xương thái dương đỉnh trái, sưng nề mô mềm vùng thái dương đỉnh trái, khuyết sọ 13 x 11 cm; kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Huỳnh Văn S là 45%. Tổn thương do vật tày có cạnh gây nên.

Về vật chứng: Đối với cục pin dự phòng mà Phan Văn T sử dụng đánh gây thương tích cho bị hại Huỳnh Văn S đã thất lạc nên không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Huỳnh Văn S yêu cầu các bị cáo Nguyễn Hải M, Nguyễn Anh T2, Phan Văn T bồi thường tổng số tiền 185.000.000đ chi phí điều trị thương tích (mỗi bị cáo phải bồi thường 61.667.000đ). Đến nay bị cáo M đã bồi thường được 61.667.000đ, bị cáo T2 đã bồi thường 61.667.000đ. Số tiền còn lại 61.667.000đ Phan Văn T đồng ý nhưng chưa bồi thường cho người bị hại.

Tại bản Cáo trạng số 67/CT-VKSĐD ngày 05/11/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố truy tố các bị cáo Nguyễn Hải M, Phan Văn T và Nguyễn Anh T2 về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không thắc mắc hay khiếu nại gì về nội dung vụ án, thừa nhận các hành vi cụ thể như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu là đúng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ quyền công tố luận tội với nội dung tóm tắt như sau: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng trong quá trình điều tra, không có gì thay đổi. Do đó, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị: Tuyên bố các bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

Về hình phạt: Áp dụng khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hải M từ 05 đến 06 năm tù; Áp dụng khoản 3 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phan Văn T từ 06 đến 07 năm tù; Áp dụng khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T2 từ 24 đến 30 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phan Văn T có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại Huỳnh Văn S số tiền 61.667.000đ.

Về vật chứng: Do không thu giữ được nên không đề cập.

Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có tranh luận gì với Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố mà chỉ xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại nào về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tiến hành hợp pháp.

Tại phiên tòa người một số người làm chứng đã được triệu tập nhưng vắng mặt, lời khai của những người này đã thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án nên sự vắng mặt những người làm chứng không ảnh hưởng đến nội dung vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Hải M, Phan Văn T, Nguyễn Anh T2 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã nêu; xét lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng; kết hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 19 giờ ngày 25/12/2020 các bị cáo Nguyễn Hải M, Phan Văn T và Nguyễn Anh T2 cùng nhau đi uống rượu tại xã Đ, huyện Đ, sau đó cả nhóm cùng với anh Lê Đức H đến quán Rin tại thị trấn T để hát karaoke. Tại đây, Nguyễn Hải M thấy chị Trần Thị Ánh T4 là người chung sống như vợ chồng với Mạc đang hát karaoke với nhóm của anh Huỳnh Văn S nên nảy sinh ghen tuông. Mạc tự ý vào phòng karaoke số 05 dùng tay đập nhiều cái vào vùng đầu, vùng mặt của anh S; các bị cáo T2, T cũng theo sau dùng tay đập vào vùng đầu, mặt anh Huỳnh Văn S. Mặc dù nhiều lần được anh Đào Quốc T3 can ngăn nhưng các bị cáo không dừng lại, tiếp tục hành hung anh S. Đặc biệt là Phạm Văn T không quen biết, cũng không có mâu thuẫn gì với người bị hại, ý thức được việc dùng cục sặc dự phòng bọc trong túi áo khoác đánh người khác sẽ gây thương nặng nhưng vẫn cố ý thực hiện đến cùng mà hậu quả để lại cho anh Huỳnh Văn S thương tật 45%, hành vi của các bị cáo không những gây ra tổn hại về sức khỏe thể chất mà còn gây ra tổn thất về tinh thần, suy giảm khả năng lao động cho người bị hại cũng như tốn kém các chi phí để phục hồi sức khỏe. Hành vi của từng bị cáo tuy có mức độ khác nhau nhưng có mối liên hệ chặt chẽ với hậu quả mà người bị hại phải gánh chịu. Thái độ của các bị cáo trong khi thực hiện tội phạm là xem thường pháp luật, chỉ vì sự ghen tuông, vì tình cảm cá nhân mà các bị cáo cố ý xâm phạm đến sức khỏe của người khác bất chấp hậu quả. Từ phân tích nêu trên, đã có đủ cơ sở xác định hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự và khẳng định quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về vai trò, tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo trong việc thực hiện tội phạm:

Trong vụ án này các bị cáo vì bức xúc nhất thời, không có sự bàn bạc phân công cụ thể nên quan hệ giữa các bị cáo trong vụ án này chỉ là đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, cũng cần phân hóa vai trò của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt tương xứng. Xuất phát từ việc nghi ngờ mối quan hệ giữa anh Huỳnh Văn S và chị Trần Thị Ánh T4 mà bị cáo M nảy sinh ghen tuông, dùng tay đánh đập vào vùng đầu, vùng mặt của anh S, tuy hành vi của bị cáo có mức độ nguy hiểm thấp nhưng thái độ của bị cáo M là nguyên nhân chính dẫn đến hành động của các bị cáo khác. Giữa bị cáo Phan Văn T và người bị hại Huỳnh Văn S, chị Trần Thị Ánh T4 không quen biết, cũng không có mâu thuẫn gì mà động cơ phạm tội của bị cáo chỉ vì tình cảm cá nhân giữa bị cáo và bị cáo Mạc, bị cáo hoàn toàn ý thức được việc

sử dụng vật tày với lực tác động mạnh có thể gây thương tích nặng cho người bị hại nhưng bị cáo vẫn thực hiện đến cùng. Do vậy, Hội đồng xét xử đánh giá bị cáo M và bị cáo T có vai trò chủ yếu, trong đó thái độ của bị cáo M là nguyên nhân chính để xảy ra vụ việc, còn hành vi của bị cáo T là nguyên nhân chính gây thương tích nặng cho người bị hại như kết luận giám định đã nêu. Bị cáo Nguyễn Anh T2 cũng có sự tích cực trong việc thực hiện tội phạm, hành vi của bị cáo có lỗi cố ý nhưng tính mức độ nguy hiểm thấp, để dẫn đến hành động của bị cáo thì về mặt chủ quan bị cáo có bức xúc do biết rõ mối quan hệ giữa bị cáo Mạc, chị Trần Thị Ánh T4 và người bị hại Huỳnh Văn S. Do đó việc bị cáo tham gia có vai trò thứ yếu so với các bị cáo khác.

Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi của các bị cáo gây thương tích cho người bị hại ở mức 45%, thuộc tình tiết định khung theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xem xét áp dụng hình phạt đối với bị cáo:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên áp dụng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với các bị cáo M và bị cáo T2 đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại, phần mỗi bị cáo là 61.667.000đ, người bị hại không có yêu cầu nào khác nên áp dụng cho bị cáo Mạc, bị cáo T2 được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét vai trò, tính chất nguy hiểm của hành vi mà bị cáo Nguyễn Hải M và Phan Văn T đã gây ra như đã nêu trên, cần thiết phải xử lý nghiêm, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để đảm tính răn đe riêng đối với các bị cáo và có tính giáo dục, phòng ngừa chung. Đối với bị cáo Nguyễn Anh T2 trong vụ án này có vai trò thứ yếu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, sau khi ly hôn bị cáo là người trực tiếp nuôi dưỡng con nhỏ, có khả năng tự cải tạo, về nhân thân và căn cứ vào mức hình phạt theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát đã đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự và hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xét thấy không nhất thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tù, cho hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục và tạo cơ hội cho bị cáo tự cải tạo, tu dưỡng. Tuy nhiên, cũng cần xem xét mức án phù hợp với vai trò của bị cáo trong vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Mạc, T2 đã tự nguyện bồi thường, người bị hại không có yêu cầu gì đối với các bị cáo nên không xem xét. Tại phiên tòa người bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu bồi thường đối với bị cáo Phan Văn T. Bị cáo cũng

đồng ý nhưng chưa có điều kiện thanh toán nên cần ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Do không thu giữ được và các bên liên quan không có yêu cầu gì nên không đề cập.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và buộc bị cáo Phan Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hải M, Phan Văn T, Nguyễn Anh T2 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

[2] Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hải M 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/5/2021.

- Áp dụng khoản 3 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phan Văn T 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/7/2021.

- Áp dụng khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T2 36 (ba mươi sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Anh T2 cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 587 và Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo Phan Văn T có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại Huỳnh Văn S số tiền 61.667.000đ (sáu mươi một triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; căn cứ các điểm a, c, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về lệ phí, án phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Phan Văn T phải nộp 3.083.000đ (ba triệu không trăm tám mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Nhà tạm giữ - CA huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo, người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thành Luân